

Số: 496/TB-ĐHSPTDTHN

Hà Nội, ngày 27 tháng 7 năm 2026

THÔNG BÁO

V/v: Lấy ý kiến góp ý dự thảo Hồ sơ Thông tin quy định về tổ chức và hoạt động; giám sát, đánh giá tổ chức KĐCLGD

Kính gửi: Các đơn vị phòng, khoa, trung tâm

Căn cứ Công văn số 1491/QLCL-QLKĐCLGD ngày 22 tháng 7 năm 2026 về việc lấy ý kiến góp ý Dự thảo Hồ sơ Thông tin quy định về tổ chức và hoạt động; giám sát, đánh giá tổ chức KĐCLGD;

Nhà trường thông báo đến các đơn vị, đề nghị hợp triển khai góp ý văn bản như sau:

1. Tài liệu góp ý: Dự thảo Hồ sơ Thông tin quy định về tổ chức và hoạt động; giám sát, đánh giá tổ chức KĐCLGD;
2. Hình thức góp ý: Bằng văn bản gửi 01 bản cứng và 01 file mềm gửi về phòng KT&ĐBCL theo địa chỉ email: hiennguyen03082012@gmail.com.
3. Thời gian góp ý: từ ngày 27/7/2026 đến hết ngày 28/7/2026.

Để đảm bảo thời gian tổng hợp, góp ý và gửi lên Cục quản lý chất lượng đề nghị các đơn vị triển khai hợp, góp ý và gửi văn bản về phòng KT&ĐBCL đúng thời hạn.

Trân trọng thông báo!

Nơi nhận:

- Các đơn vị (để t/h);
- Website trường;
- Lưu: VT, KT&ĐBCL.



Nguyễn Duy Quyết

27/7- BGH, cái tên vi
- p. KTD & BCL về Truân Khai và Tổng hợp

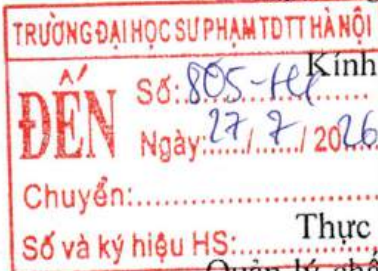
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1491/QLCL-QLKĐCLGD

Hà Nội, ngày 22 tháng 7 năm 2026

V/v xin ý kiến dự thảo Hồ sơ Thông tư
quy định về tổ chức và hoạt động; giám
sát, đánh giá tổ chức KĐCLGD"



Kính gửi:

- Các cơ sở giáo dục đại học;
- Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Cục Quản lý chất lượng được giao chủ trì xây dựng dự thảo "Thông tư quy định về tổ chức và hoạt động; giám sát, đánh giá tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục" theo trình tự, thủ tục rút gọn (Hồ sơ dự thảo Thông tư kèm theo theo¹).

Cục Quản lý chất lượng trân trọng đề nghị Quý đơn vị nghiên cứu, cho ý kiến bằng văn bản đối với dự thảo Thông tư và các Phụ lục kèm theo (theo mẫu gửi kèm Công văn này); đồng thời đăng tải Bản góp ý theo mẫu lên Google Forms tại địa chỉ dưới đây trước ngày 29/7/2026:

<https://forms.gle/bPP6Linn4rvCzqwV66>

Trân trọng cảm ơn Quý đơn vị²./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BT. Hoàng Minh Sơn (để b/c);
- TT. Lê Quân (để b/c);
- Các Phó Cục trưởng (để chỉ đạo);
- Lưu: VT, KĐCLGD.



Huỳnh Văn Chương

¹ Hồ sơ dự thảo Thông tư kèm theo: (1) Dự thảo Tờ trình Thông tư; (2) Dự thảo Thông tư kèm theo các Phụ lục; (3) Bản so sánh, thuyết minh dự thảo Thông tư. Quý đơn vị có thể tải hồ sơ dự thảo Thông tư tại Cổng thông tin địa chỉ của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại địa chỉ: <https://moet.gov.vn> (vào mục Văn bản/Góp ý dự thảo VBQPPL).

² Trường hợp cần thêm thông tin, đề nghị liên hệ: Ông Hoàng Thái Sơn, Chuyên viên Phòng Quản lý kiểm định chất lượng giáo dục, Cục Quản lý chất lượng. ĐT: 0913.515.815. email: htson@moet.gov.vn. Với các yêu cầu hỗ trợ về kỹ thuật, đề nghị liên hệ ông Chu Đức Dũng, Phòng Quản lý kiểm định chất lượng giáo dục; ĐT 0943.110.120.

Số: /2026/TT-BGDĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DT1_Đăng Công TTĐT

22/7/2026

THÔNG TƯ

Quy định tổ chức và hoạt động; giám sát, đánh giá tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 (được hợp nhất bởi Văn bản hợp nhất số 72/VBHN-VPQH)¹;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp số 124/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 66.17/2026/NQ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, sửa đổi ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện;

Căn cứ Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh;

Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 179/2026/NĐ-CP ngày 12 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục quản lý chất lượng;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư quy định về tổ chức và hoạt động; giám sát, đánh giá tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định tổ chức và hoạt động; giám sát, đánh giá tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục.

2. Thông tư này áp dụng đối với:

a) Các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục trong nước được thành lập và hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp theo

¹ Trích dẫn theo quy định Pháp lệnh số: 01/2026/UBTVQH16 ngày 10/6/2026 của UBTV Quốc hội.

quy định của pháp luật Việt Nam chịu sự giám sát, đánh giá theo quy định của Thông tư này và quy định khác có liên quan.

b) Các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục nước ngoài hoạt động tại Việt Nam chịu sự giám sát theo quy định của Thông tư này và quy định khác có liên quan của pháp luật Việt Nam.

c) Các cơ sở giáo dục và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, một số từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. Tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục của Việt Nam (sau đây gọi là tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục trong nước) là tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục của nước ngoài hoạt động tại Việt Nam là tổ chức được thành lập và hoạt động hợp pháp theo pháp luật nước ngoài hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, thực hiện hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục tại Việt Nam theo quy định của pháp luật Việt Nam.

3. Giám sát tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục (sau đây gọi tắt là giám sát) là việc Bộ Giáo dục và Đào tạo theo dõi, thu thập thông tin và xem xét việc tuân thủ quy định của pháp luật trong tổ chức, hoạt động của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục nhằm phát hiện, cảnh báo, phòng ngừa sai phạm; hỗ trợ cải tiến chất lượng; cung cấp thông tin phục vụ đánh giá và hoàn thiện chính sách.

4. Đánh giá tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục (sau đây gọi tắt là đánh giá) là việc Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, xác định mức độ đáp ứng các tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục trong nước theo quy định tại Thông tư này nhằm công nhận mức độ đáp ứng tiêu chuẩn hoạt động; làm căn cứ áp dụng biện pháp quản lý; cung cấp thông tin phục vụ lựa chọn tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục; thúc đẩy cải tiến chất lượng.

5. Tự đánh giá tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục (sau đây gọi tắt là tự đánh giá) là việc tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục trong nước tự xem xét, xác định mức độ đáp ứng các tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá theo quy định tại Thông tư này nhằm rà soát việc đáp ứng tiêu chuẩn hoạt động; cải tiến chất lượng; làm cơ sở cho hoạt động đánh giá.

6. Tiêu chuẩn đánh giá tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục là tập hợp các tiêu chí đánh giá đối với một nhóm nội dung của hoạt động của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục.

7. Tiêu chí đánh giá tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục là yêu cầu, điều kiện cần đạt được đối với từng nội dung cụ thể của một tiêu chuẩn.

8. Trách nhiệm giải trình là việc cung cấp, cập nhật, công khai, minh bạch thông tin, tiếp nhận, xử lý, phản hồi thông tin, kiến nghị từ các bên liên quan; báo cáo, chịu sự giám sát, kiểm tra của các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền và xã hội.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục

1. Tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tự chủ, tự chịu trách nhiệm và thực hiện trách nhiệm giải trình theo quy định của pháp luật.

2. Hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục phải bảo đảm tính độc lập, khách quan, công bằng, trung thực và tuân thủ quy định của pháp luật.

3. Tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục không được:

a) Thực hiện kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục hoặc chương trình đào tạo khi tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục và cơ sở giáo dục có cùng nhà đầu tư, cùng cơ quan hoặc tổ chức quản lý trực tiếp, có quan hệ góp vốn, sở hữu cổ phần hoặc có người giữ chức vụ quản lý tại cả hai bên;

b) Thực hiện kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục hoặc chương trình đào tạo khi người giữ chức vụ quản lý của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục có vốn góp, sở hữu cổ phần hoặc giữ chức vụ quản lý tại cơ sở giáo dục, nhà đầu tư hoặc tổ chức quản lý trực tiếp của cơ sở giáo dục;

c) Thực hiện kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục hoặc chương trình đào tạo mà tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục hoặc người của tổ chức đã tư vấn hoặc hỗ trợ chuẩn bị kiểm định đối với chính đối tượng được kiểm định;

d) Nhận tài trợ, viện trợ, quà tặng, lợi ích vật chất, hỗ trợ tài chính hoặc xác lập thỏa thuận với cơ sở giáo dục, nhà đầu tư hoặc tổ chức, cá nhân có liên quan nếu làm ảnh hưởng đến tính độc lập, khách quan của hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục;

đ) Các hành vi khác có liên quan theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nguyên tắc giám sát, đánh giá tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục

1. Thực hiện theo đúng thẩm quyền, nội dung, trình tự, thủ tục quy định tại Thông tư này và quy định khác của pháp luật có liên quan;

2. Bảo đảm khách quan, công khai, minh bạch, khoa học, kịp thời và hiệu quả; kết quả giám sát, đánh giá phản ánh đúng mức độ đáp ứng tiêu chuẩn hoạt động và thực trạng tổ chức, hoạt động của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục;

3. Bảo đảm bí mật thông tin theo quy định của pháp luật; tôn trọng, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục và các tổ

chức, cá nhân có liên quan; không làm cản trở hoạt động bình thường của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục.

Chương II

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

CỦA TỔ CHỨC KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Mục 1

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

CỦA TỔ CHỨC KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TRONG NƯỚC

Điều 5. Vị trí pháp lý của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục

Tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Nguyên tắc đặt tên, đổi tên tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục

1. Việc đặt tên tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục phải bảo đảm các nguyên tắc sau:

a) Phù hợp với vị trí pháp lý, chức năng, nhiệm vụ và phạm vi hoạt động của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục; bảo đảm tính ổn định, lâu dài;

b) Sử dụng từ ngữ có nghĩa, phù hợp với chuẩn mực tiếng Việt; tên bằng tiếng Việt không sử dụng đồng thời từ ngữ tiếng Việt và tiếng nước ngoài; không sử dụng từ ngữ tiếng nước ngoài để xác định tên tiếng Việt;

c) Không sử dụng từ, cụm từ hoặc yếu tố trong tên gọi gây hiểu nhầm về vị trí pháp lý, loại hình tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động, thẩm quyền, danh hiệu, thứ hạng, chất lượng hoặc sự bảo trợ của Nhà nước;

d) Không sử dụng các từ, cụm từ mang tính quốc gia hoặc thể hiện vị thế đặc biệt như "quốc gia", "Việt Nam", "Trung ương", "quốc tế", tên quốc gia, vùng lãnh thổ nước ngoài hoặc các từ, cụm từ có ý nghĩa tương tự, trừ trường hợp được cơ quan có thẩm quyền cho phép;

đ) Không xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ; không trùng hoặc gây nhầm lẫn với tên của cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, cơ sở giáo dục, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục hoặc tổ chức khác được thành lập hợp pháp;

e) Tên giao dịch quốc tế, tên viết tắt và tên miền phải thống nhất với tên chính thức của tổ chức; phản ánh đúng loại hình tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và phạm vi hoạt động của tổ chức; không gây nhầm lẫn với tổ chức khác.

2. Việc đổi tên tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục phải bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc quy định tại khoản 1 Điều này; không làm thay đổi tư cách pháp lý, chức năng, nhiệm vụ, quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức.

Điều 7. Tiêu chuẩn hoạt động của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục

1. Tiêu chuẩn hoạt động của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục là mức yêu cầu mà tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục phải đáp ứng trước khi hoạt động và duy trì trong suốt quá trình hoạt động theo quy định của Thông tư này.

2. Tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục chỉ được thực hiện hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục khi đạt tiêu chuẩn trước khi hoạt động theo quy định tại khoản 4 Điều 27; duy trì đạt tiêu chuẩn hoạt động từ mức 1 trở lên theo quy định tại khoản 5 Điều 27 của Thông tư này. Đồng thời, phải đáp ứng các quy định pháp luật khác có liên quan.

3. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo danh sách tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục đạt hoặc không đạt tiêu chuẩn hoạt động trên cơ sở kết quả đánh giá hoặc kết quả kiểm tra, giám sát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Công khai đối với tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục

1. Nội dung công khai:

a) Tên tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục (bao gồm tên bằng tiếng nước ngoài, nếu có); tư cách pháp lý; loại hình tổ chức; địa chỉ trụ sở chính và các địa điểm hoạt động khác (nếu có); số điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử; tóm tắt quá trình hình thành và phát triển; thông tin về chủ sở hữu, nhà đầu tư hoặc cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp;

b) Sơ đồ tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục và của các đơn vị, bộ phận thuộc tổ chức; mức độ đáp ứng tiêu chuẩn hoạt động và phạm vi, đối tượng, thời gian hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục;

c) Người đứng đầu hoặc người đại diện theo pháp luật của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục bao gồm điện thoại, địa chỉ thư điện tử công việc, địa chỉ nơi làm việc; danh sách người giữ chức vụ quản lý, thành viên Hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục và kiểm định viên, bao gồm họ và tên, chức vụ, trình độ, lĩnh vực chuyên môn, kinh nghiệm và nhiệm vụ;

d) Quyết định thành lập; các văn bản cho phép thành lập, cho phép hoạt động, gia hạn hoạt động của cơ quan có thẩm quyền (nếu có); quyết định bổ nhiệm người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu; quyết định thông báo mức độ đáp ứng tiêu chuẩn hoạt động, quyết định công bố thực hiện hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục, bao gồm phạm vi, đối tượng, thời gian hoạt động kiểm

định chất lượng giáo dục; các văn bản nội bộ khác của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Thông tư này;

đ) Giá và phương thức tính giá dịch vụ hoặc phí và các khoản thu khác đối với hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục; bồi dưỡng, nghiên cứu, tư vấn và các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ khác của tổ chức (nếu có);

e) Kế hoạch và quyết định thành lập đoàn đánh giá ngoài; các thông tin phải công khai trong quy trình kiểm định cơ sở giáo dục, kiểm định chương trình đào tạo; đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu, tư vấn và các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ khác theo quy định hiện hành của pháp luật;

g) Báo cáo tổng hợp hằng tháng về danh sách cơ sở giáo dục, chương trình đào tạo đã được thẩm định báo cáo tự đánh giá, đánh giá ngoài, công nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục;

h) Kết quả tự đánh giá, kế hoạch cải tiến chất lượng và kết quả thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng hằng năm của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục; văn bản đình chỉ hoạt động của cấp có thẩm quyền đối với tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục (nếu có).

i) Công khai về tài chính và các thông tin khác theo quy định của pháp luật.

2. Cách thức và thời gian công khai:

a) Tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục có trách nhiệm công khai trên cổng thông tin điện tử của tổ chức các nội dung quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và i khoản 1 Điều này và kết quả tự đánh giá, kế hoạch cải tiến chất lượng trước khi triển khai hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục; các nội dung quy định tại các điểm e, g và h khoản 1 Điều này được công khai chậm nhất 15 ngày làm việc kể từ ngày có thông tin chính thức;

b) Các nội dung đã công khai phải được cập nhật trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày có thay đổi và được duy trì trên cổng thông tin điện tử của tổ chức trong thời gian tối thiểu 05 năm kể từ ngày công khai hoặc cập nhật;

c) Các nội dung công khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được bố trí tại một chuyên mục riêng trên cổng thông tin điện tử, bảo đảm thuận tiện cho việc tra cứu, tiếp cận và khai thác thông tin.

3. Việc công khai các nội dung không quy định tại Thông tư này được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

4. Trường hợp có quy định khác của pháp luật về nội dung, cách thức hoặc thời gian công khai đối với thông tin cụ thể thì áp dụng theo quy định đó.

Điều 9. Chức năng của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục

1. Tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục có chức năng thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục trong lĩnh vực giáo dục đại học hoặc giáo dục nghề nghiệp hoặc đồng thời trong cả hai lĩnh vực; đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội

ngũ kiểm định viên; nghiên cứu, tư vấn và cung cấp dịch vụ về bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của pháp luật.

2. Khuyến khích phát triển các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục hoạt động chuyên sâu theo lĩnh vực, nhóm ngành hoặc ngành đào tạo, góp phần thúc đẩy chuyên môn hóa và nâng cao hiệu quả hoạt động.

Điều 10. Quyền hạn của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục

1. Quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định việc tổ chức bộ máy; tuyển dụng, sử dụng, quản lý, đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ nhân sự, kiểm định viên và chuyên gia đánh giá ngoài theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục; nghiên cứu, tư vấn, cung cấp dịch vụ, hợp tác, đào tạo, bồi dưỡng và các hoạt động khác về bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của pháp luật.

3. Yêu cầu cơ sở giáo dục, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp hồ sơ, tài liệu và minh chứng; kiểm tra, xác minh thông tin phục vụ hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của pháp luật.

4. Từ chối thực hiện hoặc chấm dứt hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của pháp luật hoặc theo thỏa thuận với cơ sở giáo dục.

5. Quản lý, sử dụng cơ sở vật chất, tài chính, tài sản và các nguồn lực khác theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện các quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Trách nhiệm của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục

1. Đáp ứng và duy trì việc đáp ứng tiêu chuẩn hoạt động của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định tại Điều 7 Thông tư này.

2. Xây dựng tổ chức bộ máy; tuyển dụng, sử dụng, quản lý, đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ nhân sự, kiểm định viên và chuyên gia đánh giá ngoài.

3. Xây dựng, ban hành đầy đủ hệ thống văn bản nội bộ, bảo đảm đủ nội dung, hợp pháp, nhất quán, khả thi, hiệu lực và hiệu quả, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và mục tiêu phát triển của tổ chức. Các văn bản này được rà soát, hoàn thiện ít nhất 01 lần trong chu kỳ đánh giá hoặc được cập nhật theo quy định mới của văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, bao gồm:

a) Tầm nhìn, sứ mạng, chiến lược phát triển; xây dựng và phát triển văn hóa chất lượng; quy chế tổ chức và hoạt động; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của các đơn vị, bộ phận và cá nhân;

b) Quy định về quản lý, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, sát hạch, cấp, gia hạn, cấp lại, thu hồi thẻ, quản lý hồ sơ kiểm định viên và nhân sự; tổ chức bồi dưỡng và cấp giấy chứng nhận hoàn thành nghiệp vụ kiểm định viên (nếu có);

c) Quy trình, hướng dẫn thẩm định báo cáo tự đánh giá, đánh giá ngoài, công nhận cơ sở giáo dục, chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục; mẫu giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục; quy trình tự đánh giá tổ chức; quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phòng ngừa xung đột lợi ích; tiếp nhận, xử lý và phản hồi kiến nghị, phản ánh; trách nhiệm giải trình; chế độ báo cáo và công khai thông tin;

d) Quy định về quản lý, sử dụng cơ sở vật chất, tài chính và tài sản.

4. Tuân thủ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc bảo đảm các nguyên tắc độc lập, khách quan, công bằng, trung thực và chính xác trong hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục.

5. Tổ chức thực hiện đầy đủ, thống nhất, hiệu lực và hiệu quả các quy định của pháp luật và quy định nội bộ trong hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục và các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ khác.

6. Xây dựng, quản lý và cập nhật thường xuyên hồ sơ, cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản trị, hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục và các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của tổ chức; quản lý, lưu trữ hồ sơ, tài liệu, dữ liệu; bảo mật và bảo đảm an toàn thông tin theo quy định của pháp luật.

7. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân có liên quan; phòng ngừa, phát hiện và xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý việc lợi dụng danh nghĩa, uy tín hoặc cơ sở vật chất của tổ chức để thực hiện hành vi trái pháp luật.

8. Chấp hành việc giám sát, tự đánh giá, đánh giá, thanh tra, kiểm tra theo quy định của pháp luật; cung cấp đầy đủ, kịp thời hồ sơ, tài liệu, dữ liệu, thông tin theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; thực hiện đầy đủ các kết luận, kiến nghị, quyết định và yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

9. Sử dụng kết quả tự đánh giá, đánh giá để xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày ban hành báo cáo tự đánh giá hoặc thông báo kết quả đánh giá của Bộ Giáo dục và Đào tạo; tổ chức thực hiện, rà soát và cập nhật kế hoạch cải tiến chất lượng.

10. Thực hiện việc cung cấp, cập nhật, công khai thông tin theo quy định; tiếp nhận, xử lý và phản hồi phản ánh, kiến nghị liên quan đến hoạt động của tổ chức; thực hiện trách nhiệm giải trình và bồi thường thiệt hại (nếu có) theo quy định của pháp luật.

11. Theo dõi, phản hồi báo cáo cải tiến chất lượng của cơ sở giáo dục, chương trình đào tạo sau kiểm định theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của tổ chức.

12. Gửi quyết định thành lập, quyết định đổi tên tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục (nếu có), quyết định về việc công bố hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục đến Bộ Giáo dục và Đào tạo và Sở Giáo dục và Đào tạo nơi đặt trụ sở; trong đó, quyết định thành lập và quyết định đổi tên được gửi trong thời

hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành, các quyết định còn lại được gửi trước khi triển khai hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục.

13. Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Cơ cấu tổ chức của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục

1. Giám đốc, phó giám đốc hoặc chức danh tương đương (sau đây gọi chung là người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục).

2. Hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục, hội đồng tư vấn khác (nếu có).

3. Các đơn vị, bộ phận chuyên môn, nghiệp vụ.

4. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức đại diện người lao động, tổ chức khác (nếu có).

Điều 13. Người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục

1. Người đứng đầu là đại diện theo pháp luật của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục; chịu trách nhiệm tổ chức, điều hành hoạt động của tổ chức theo quy định của pháp luật và quy chế tổ chức, hoạt động.

2. Cấp phó của người đứng đầu giúp người đứng đầu điều hành hoạt động của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục; thực hiện nhiệm vụ theo phân công hoặc ủy quyền của người đứng đầu và chịu trách nhiệm trước người đứng đầu, trước pháp luật về nhiệm vụ được giao.

3. Quyền hạn, trách nhiệm của người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu được quy định trong quy chế tổ chức và hoạt động của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan.

4. Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cho thôi giữ chức vụ, điều động, luân chuyển, thay đổi người quản lý đối với người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục công lập được thực hiện theo quy định của Đảng, pháp luật có liên quan.

5. Tiêu chuẩn chung của người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu

a) Có phẩm chất đạo đức tốt; có đủ sức khỏe để thường xuyên, trực tiếp quản lý, điều hành công việc;

b) Có tư duy đổi mới, tầm nhìn chiến lược và có năng lực xây dựng, tổ chức thực hiện chiến lược phát triển của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục;

c) Là kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục;

d) Có ít nhất 05 năm kinh nghiệm trong một trong các hoạt động sau: quản lý giảng dạy, nghiên cứu, kiểm định giáo dục trong lĩnh vực đại học hoặc giáo dục nghề nghiệp;

đ) Đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm và các quy định khác của Đảng, pháp luật của Nhà nước về viên chức quản lý đối với tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục công lập.

6. Tiêu chuẩn cụ thể của giám đốc, hoặc chức danh tương đương

a) Đáp ứng tiêu chuẩn chung quy định tại khoản 5 Điều này;

b) Có trình độ tiến sĩ đối với tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục có phạm vi hoạt động trong giáo dục đại học hoặc đồng thời trong giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp; có trình độ thạc sĩ trở lên đối với tổ chức có phạm vi hoạt động trong giáo dục nghề nghiệp;

c) Có ít nhất 02 năm kinh nghiệm quản lý cơ sở giáo dục đại học hoặc giáo dục nghề nghiệp hoặc quản lý hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục từ cấp trưởng khoa, phòng, ban hoặc tương đương trở lên;

d) Có năng lực lãnh đạo, quản trị và phát triển tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục; có khả năng hợp tác phát triển, huy động nguồn lực cho tổ chức.

7. Tiêu chuẩn cụ thể của phó giám đốc, hoặc chức danh tương đương

a) Đáp ứng tiêu chuẩn chung được quy định tại khoản 5 Điều này;

b) Có trình độ thạc sĩ trở lên;

c) Có ít nhất 02 năm kinh nghiệm quản lý cơ sở giáo dục đại học hoặc giáo dục nghề nghiệp hoặc quản lý hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục từ cấp phó trưởng khoa, phòng, ban hoặc tương đương trở lên;

d) Có năng lực quản lý và phát triển các lĩnh vực được phân công của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục.

Điều 14. Hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục, hội đồng tư vấn khác

1. Hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục và các hội đồng tư vấn khác (nếu có) do người đứng đầu tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục quyết định thành lập, tổ chức lại, kiện toàn và giải thể theo quy định của pháp luật và quy chế tổ chức, hoạt động của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục.

2. Thành phần, số lượng, tiêu chuẩn thành viên, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và nguyên tắc hoạt động của các hội đồng do giám đốc quyết định theo quy định của pháp luật và quy chế tổ chức, hoạt động của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục; đối với Hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục phải phù hợp với quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về kiểm định chất lượng giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp.

Điều 15. Các đơn vị, bộ phận chuyên môn, nghiệp vụ

1. Các đơn vị, bộ phận chuyên môn, nghiệp vụ của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục không có tư cách pháp nhân.

2. Căn cứ vào quy mô, phạm vi hoạt động của tổ chức, giám đốc tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục quyết định hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị, bộ phận chuyên môn thuộc tổ chức theo quy định của pháp luật và quy chế tổ chức, hoạt động của tổ chức.

3. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể của bộ phận chuyên môn, nghiệp vụ do giám đốc tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục quy định.

Điều 16. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức đại diện người lao động và các tổ chức khác (nếu có)

Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức đại diện người lao động và các tổ chức khác trong tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục (nếu có) được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Tài sản và tài chính

1. Tài sản của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục bao gồm tài sản được Nhà nước giao quản lý, sử dụng (đối với tổ chức công lập), tài sản do tổ chức, cá nhân góp vốn, tài trợ, viện trợ, biếu, tặng và các tài sản được hình thành từ hoạt động của tổ chức theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục có trách nhiệm quản lý, sử dụng tài sản đúng mục đích, hiệu quả và hằng năm phải thực hiện chế độ kiểm kê, báo cáo theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục tự bảo đảm kinh phí hoạt động và tự quyết định các khoản thu chi và thực hiện các quy định khác về tài chính theo quy chế tài chính và quy định của pháp luật.

Mục 2

HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

Điều 18. Phạm vi hoạt động của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục nước ngoài tại Việt Nam

1. Thực hiện hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục đối với cơ sở giáo dục, chương trình giáo dục, đào tạo tại Việt Nam;

2. Thực hiện các hoạt động hợp tác với tổ chức, cá nhân tại Việt Nam trong lĩnh vực bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của tổ chức và quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 19. Tiêu chuẩn hoạt động của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục nước ngoài tại Việt Nam

1. Tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục nước ngoài được thực hiện hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục tại Việt Nam khi đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a) Được thành lập và hoạt động hợp pháp theo quy định của nước sở tại; được cơ quan có thẩm quyền của nước sở tại hoặc tổ chức, mạng lưới, hiệp hội

quốc tế hợp pháp trong lĩnh vực bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục công nhận hoặc xác nhận tư cách hoạt động;

b) Có quy định nội bộ về tổ chức, hoạt động; quy trình kiểm định, quy trình công nhận kết quả kiểm định và cơ chế bảo đảm tính độc lập, khách quan, phòng ngừa xung đột lợi ích;

c) Có ít nhất 5 năm kinh nghiệm hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục phù hợp với phạm vi hoạt động tại Việt Nam; có đội ngũ kiểm định viên, chuyên gia đánh giá ngoài đáp ứng yêu cầu về trình độ, năng lực, kinh nghiệm và tính độc lập phù hợp với phạm vi hoạt động tại Việt Nam; có cơ chế tuyển chọn, quản lý, đánh giá và phát triển đội ngũ kiểm định viên, chuyên gia đánh giá ngoài;

d) Có cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin, hệ thống quản lý, lưu trữ và bảo mật hồ sơ, dữ liệu; có cổng thông tin điện tử và các điều kiện bảo đảm đáp ứng yêu cầu triển khai hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục tại Việt Nam;

đ) Bảo đảm việc thực hiện công khai, quyền hạn, trách nhiệm theo quy định tại Điều 20, 21 và Điều 22 Thông tư này; không thuộc trường hợp đang trong thời gian bị đình chỉ hoạt động theo quy định của pháp luật;

e) Đáp ứng các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục nước ngoài không đủ tiêu chuẩn hoạt động sẽ bị đình chỉ hoạt động theo quy định của Chính phủ.

3. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo danh sách tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục nước ngoài hoạt động tại Việt Nam đạt hoặc không đạt tiêu chuẩn hoạt động trên cơ sở kết quả kiểm tra, giám sát theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Công khai đối với tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục nước ngoài hoạt động tại Việt Nam

1. Nội dung công khai:

a) Tên tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục; quốc gia hoặc vùng lãnh thổ nơi thành lập; cổng thông tin điện tử; loại hình tổ chức; địa chỉ trụ sở chính và các địa điểm hoạt động khác (nếu có); số điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử; tóm tắt quá trình hình thành và phát triển; thông tin về chủ sở hữu, nhà đầu tư hoặc cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp;

b) Người đại diện tại Việt Nam (nếu có), đầu mối liên hệ; danh sách kiểm định viên, chuyên gia đánh giá ngoài tham gia hoạt động tại Việt Nam bao gồm các thông tin họ và tên, chức vụ, trình độ và lĩnh vực chuyên môn, kinh nghiệm, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của từng cá nhân; cơ chế tiếp nhận, giải quyết phản ánh, kiến nghị;

c) Phạm vi, đối tượng hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục tại Việt Nam; mức độ đáp ứng tiêu chuẩn hoạt động tại Việt Nam kèm theo các minh

chúng có liên quan;

d) Mức phí, phương thức tính giá dịch vụ kiểm định chất lượng giáo dục và các dịch vụ chuyên môn khác thực hiện tại Việt Nam (nếu có);

đ) Kế hoạch hoặc lịch trình hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục tại Việt Nam, bao gồm tên cơ sở giáo dục, chương trình đào tạo theo trình độ sẽ được kiểm định, các hoạt động và thời gian, địa điểm thực hiện kiểm định, danh sách nhân sự thực hiện hoạt động kiểm định tại Việt Nam bao gồm họ tên, chức vụ, trình độ chuyên môn, lĩnh vực kiểm định;

e) Danh sách cơ sở giáo dục, chương trình đào tạo tại Việt Nam đã được thẩm định báo cáo tự đánh giá (nếu có), đánh giá ngoài, công nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục;

g) Các thông tin khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Cách thức và thời gian công khai:

a) Tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục có trách nhiệm công khai trên cổng thông tin điện tử của tổ chức các nội dung quy định tại các điểm a, b, c, d, và g khoản 1 Điều này trước khi triển khai hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục tại Việt Nam; các nội dung quy định tại các điểm đ và e khoản 1 Điều này được công khai chậm nhất 15 ngày làm việc kể từ ngày có thông tin chính thức;

b) Các nội dung đã công khai phải được cập nhật trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày có thay đổi và được duy trì trên cổng thông tin điện tử của tổ chức trong thời gian tối thiểu 05 năm kể từ ngày công khai hoặc cập nhật;

c) Các nội dung công khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được bố trí tại một chuyên mục riêng trên cổng thông tin điện tử, bảo đảm thuận tiện cho việc tra cứu, tiếp cận và khai thác thông tin.

3. Việc công khai các nội dung khác không quy định tại Thông tư này được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

4. Trường hợp có quy định khác của pháp luật về nội dung, cách thức hoặc thời gian công khai đối với thông tin cụ thể thì áp dụng theo quy định đó.

Điều 21. Quyền hạn của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục nước ngoài hoạt động tại Việt Nam

1. Thực hiện hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục đối với cơ sở giáo dục, chương trình đào tạo trong phạm vi hoạt động tại Việt Nam đã công khai sau khi đáp ứng tiêu chuẩn hoạt động tại Việt Nam theo quy định của Thông tư này;

2. Đánh giá, công nhận kết quả kiểm định chất lượng giáo dục; cấp, thu hồi giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của nước sở tại, quy định của tổ chức và điều ước quốc tế có liên quan (nếu có).

3. Yêu cầu cơ sở giáo dục, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, hồ sơ, dữ liệu và minh chứng phục vụ hoạt động kiểm định;

kiểm tra, xác minh tính đầy đủ, chính xác của thông tin, minh chứng.

4. Từ chối thực hiện hoặc chấm dứt hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của pháp luật hoặc theo thỏa thuận với cơ sở giáo dục.

5. Theo dõi, đánh giá việc duy trì và cải tiến chất lượng của cơ sở giáo dục, chương trình đào tạo sau kiểm định theo quy định của pháp luật Việt Nam và quy định của tổ chức.

6. Hợp tác với các tổ chức, cá nhân tại Việt Nam trong lĩnh vực bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của pháp luật Việt Nam.

7. Thực hiện các quyền hạn khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 22. Trách nhiệm của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục nước ngoài hoạt động tại Việt Nam

1. Bảo đảm đáp ứng và duy trì tiêu chuẩn hoạt động quy định tại Điều 18 của Thông tư này; chỉ thực hiện hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục và các hoạt động chuyên môn khác trong phạm vi hoạt động đã công khai tại Việt Nam.

2. Bảo đảm tính độc lập, khách quan, trung thực, chính xác, công khai, minh bạch; phòng ngừa xung đột lợi ích; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cơ sở giáo dục, người học và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về tính hợp pháp, trung thực, khách quan của hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục, kết quả kiểm định và các hoạt động chuyên môn thực hiện tại Việt Nam;

4. Quản lý, sử dụng đội ngũ kiểm định viên, chuyên gia đánh giá ngoài, nhân sự, cơ sở vật chất, tài chính và các nguồn lực khác phục vụ hoạt động tại Việt Nam; thực hiện lưu trữ hồ sơ, quản lý dữ liệu, bảo mật thông tin; ngăn ngừa và xử lý theo quy định của pháp luật việc lợi dụng danh nghĩa, uy tín hoặc cơ sở vật chất của tổ chức để thực hiện hành vi trái pháp luật.

5. Chấp hành việc giám sát, thanh tra, kiểm tra theo quy định của pháp luật Việt Nam; cung cấp đầy đủ, kịp thời hồ sơ, tài liệu, dữ liệu theo yêu cầu; thực hiện đầy đủ các kết luận, kiến nghị và quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

6. Thực hiện công khai thông tin theo quy định của Thông tư này; thực hiện trách nhiệm giải trình và bồi thường thiệt hại (nếu có) theo quy định của pháp luật Việt Nam.

7. Gửi thông báo về mức độ đáp ứng tiêu chuẩn hoạt động và phạm vi, đối tượng, thời gian hoạt động tại Việt Nam đến Bộ Giáo dục và Đào tạo và Sở Giáo dục và Đào tạo trước khi triển khai hoạt động.

8. Hằng năm, trước ngày 31 tháng 12, gửi báo cáo kết quả hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục trong năm, kế hoạch hoạt động của năm tiếp theo và các đề xuất, kiến nghị (nếu có) về Bộ Giáo dục và Đào tạo theo mẫu quy định tại

Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này; thực hiện chế độ báo cáo khác theo quy định của pháp luật.

9. Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Chương III

GIÁM SÁT TỔ CHỨC KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Điều 23. Nội dung giám sát tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục

1. Việc đáp ứng và duy trì các điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục.
2. Việc tuân thủ quy định của pháp luật trong tổ chức, hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục và các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ có liên quan.
3. Việc thực hiện chế độ báo cáo, công khai thông tin, trách nhiệm giải trình và cập nhật cơ sở dữ liệu theo quy định.
4. Việc thực hiện các kết luận, kiến nghị trong giám sát, đánh giá, thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền (nếu có).

Điều 24. Hoạt động giám sát của Bộ Giáo dục và Đào tạo

1. Thu thập dữ liệu và tổng hợp thông tin từ các nguồn:
 - a) Thông tin, dữ liệu, báo cáo và các tài liệu có liên quan, quan sát trực tiếp; thông tin trên cổng thông tin điện tử của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục và các nguồn thông tin hợp pháp khác;
 - b) Cơ sở dữ liệu của hệ thống phần mềm quản lý hệ thống bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
 - c) Kết quả kiểm tra, đánh giá tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của pháp luật.
2. Phân tích, đánh giá, xử lý thông tin giám sát
 - a) Rà soát, phân tích, đối chiếu và xử lý thông tin, dữ liệu; xác định nội dung cần giám sát;
 - b) Yêu cầu tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục giải trình, cung cấp thông tin, hồ sơ, tài liệu có liên quan khi cần thiết;
 - c) Kết luận, yêu cầu tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục thực hiện các biện pháp khắc phục hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền áp dụng các biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật nếu có.

Điều 25. Sử dụng kết quả giám sát

1. Kết quả giám sát là một trong những căn cứ để đánh giá tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Thông tư này; đồng thời phục vụ việc hoàn thiện chính sách, pháp luật về bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo

dục và công tác quản lý nhà nước khác đối với tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục và cơ sở giáo dục.

2. Trường hợp kết quả giám sát cho thấy tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục không đáp ứng tiêu chuẩn hoạt động hoặc không thực hiện, thực hiện không đầy đủ các kết luận, kiến nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét áp dụng các biện pháp quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật, bao gồm đình chỉ hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Chính phủ.

Chương IV

ĐÁNH GIÁ TỔ CHỨC KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Điều 26. Tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá²

1. Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản trị

a) Tiêu chí 1.1 (TCCL): Vị trí pháp lý, tên gọi và cơ cấu tổ chức phù hợp với quy định của pháp luật; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của tổ chức, đơn vị, bộ phận và cá nhân được xác định rõ ràng, bảo đảm thực hiện hiệu quả chức năng, nhiệm vụ của tổ chức;

b) Tiêu chí 1.2 (TCCL): Hệ thống văn bản nội bộ được xây dựng, ban hành đầy đủ, phù hợp với quy định của pháp luật, mục tiêu phát triển và định kỳ được rà soát; bảo đảm quản trị, điều hành thống nhất, hiệu lực và hiệu quả;

c) Tiêu chí 1.3 (TCCL): Tầm nhìn, sứ mạng, chiến lược phát triển và văn hóa chất lượng được xây dựng, triển khai và cải tiến, bảo đảm định hướng phát triển bền vững và nâng cao chất lượng hoạt động;

d) Tiêu chí 1.4 (TCGDĐH): Tổ chức hoặc kiểm định viên cơ hữu, nhân sự của tổ chức tham gia xây dựng, góp ý, phản biện chính sách, tiêu chuẩn và hướng dẫn chuyên môn về bảo đảm, kiểm định chất lượng giáo dục;

đ) Tiêu chí 1.5 (TCGDNN): Tổ chức hoặc kiểm định viên cơ hữu, nhân sự của tổ chức tham gia xây dựng hoặc góp ý chính sách và hướng dẫn chuyên môn về bảo đảm, kiểm định chất lượng giáo dục.

2. Tiêu chuẩn 2: Nhân lực

a) Tiêu chí 2.1 (TCCL): Đội ngũ lãnh đạo, thành viên Hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục, kiểm định viên, chuyên gia đánh giá ngoài và nhân sự khác đáp ứng yêu cầu về số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn và năng lực, phù hợp với phạm vi hoạt động; bảo đảm thực hiện hiệu quả chức năng, nhiệm vụ của tổ chức;

² Chú thích các từ viết tắt trong tiêu chí đánh giá:

- TCCL: Tiêu chí cốt lõi, áp dụng đối với tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục có phạm vi hoạt động trong giáo dục đại học hoặc đồng thời trong giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp và tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục có phạm vi hoạt động trong giáo dục nghề nghiệp.

- TC GGDH: Tiêu chí nâng cao, chỉ áp dụng đối với tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục có phạm vi hoạt động trong giáo dục đại học hoặc đồng thời trong giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp.

- TC GDNN: Tiêu chí nâng cao, chỉ áp dụng đối với tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục có phạm vi hoạt động trong giáo dục nghề nghiệp.

b) Tiêu chí 2.2 (TCCL): Việc tuyển dụng, sử dụng, quản lý, đánh giá, đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ đáp ứng yêu cầu hoạt động và chiến lược phát triển của tổ chức;

c) Tiêu chí 2.3 (TCCL): Hồ sơ và cơ sở dữ liệu về đội ngũ được xây dựng, quản lý, cập nhật và khai thác, đáp ứng yêu cầu quản trị và hoạt động của tổ chức;

d) Tiêu chí 2.4 (TCGDĐH): Có chính sách thu hút, phát triển và duy trì đội ngũ; thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số trong quản lý, đánh giá và phát triển đội ngũ kiểm định viên, chuyên gia đánh giá ngoài và nhân sự;

đ) Tiêu chí 2.5 (TCGDNN): Có chính sách thu hút, phát triển và duy trì đội ngũ; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, đánh giá và phát triển đội ngũ kiểm định viên, chuyên gia đánh giá ngoài và nhân sự.

3. Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất, tài chính và tài sản

a) Tiêu chí 3.1 (TCCL): Trụ sở, cơ sở vật chất và trang thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động; bảo đảm duy trì và phát triển hoạt động của tổ chức;

b) Tiêu chí 3.2 (TCCL): Hạ tầng công nghệ thông tin, cổng thông tin điện tử và hệ thống quản lý hồ sơ, thông tin, dữ liệu đáp ứng yêu cầu quản trị, hoạt động và bảo đảm an toàn thông tin của tổ chức;

c) Tiêu chí 3.3 (TCCL): Nguồn lực tài chính, tài sản và các nguồn lực khác đáp ứng yêu cầu hoạt động; được quản lý, sử dụng hiệu quả, minh bạch, tiết kiệm, bảo đảm duy trì và phát triển hoạt động của tổ chức;

d) Tiêu chí 3.4 (TCGDĐH): Có chính sách phát triển cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin và thực hiện chuyển đổi số; ứng dụng công nghệ số trong quản lý cơ sở vật chất, tài chính, tài sản, thông tin, dữ liệu và hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục;

đ) Tiêu chí 3.5 (TCGDNN): Có chính sách phát triển cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý cơ sở vật chất, tài chính, tài sản, thông tin, dữ liệu và hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục.

4. Tiêu chuẩn 4: Hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục và các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ khác

a) Tiêu chí 4.1 (TCCL): Hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục được thực hiện đúng đối tượng, phạm vi hoạt động, thời gian, thời hạn, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật;

b) Tiêu chí 4.2 (TCCL): Hoạt động thẩm định báo cáo tự đánh giá, đánh giá ngoài, công nhận, cấp, gia hạn, cấp lại và thu hồi giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục được thực hiện thống nhất theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ; bảo đảm tính độc lập, khách quan, công bằng, trung thực và chính xác;

c) Tiêu chí 4.3 (TCCL): Việc theo dõi, phản hồi báo cáo cải tiến chất lượng của cơ sở giáo dục, chương trình đào tạo sau kiểm định được thực hiện theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của tổ chức;

d) Tiêu chí 4.4 (TCCL): Hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục được thực hiện tuân thủ quy tắc đạo đức nghề nghiệp và quy định về phòng ngừa xung đột lợi ích theo quy định của pháp luật và quy định của tổ chức;

đ) Tiêu chí 4.5 (TCGDĐH): Thực hiện hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu, tư vấn, cung cấp dịch vụ, hợp tác trong nước và quốc tế về bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục; góp phần phát triển hệ thống bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục.

e) Tiêu chí 4.6 (TCGDNN): Thực hiện hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, tư vấn, cung cấp dịch vụ, hợp tác về bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục; góp phần phát triển hệ thống bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục.

5. Tiêu chuẩn 5. Cải tiến chất lượng và trách nhiệm giải trình

a) Tiêu chí 5.1 (TCCL): Thực hiện tự đánh giá theo quy định của pháp luật; sử dụng kết quả tự đánh giá, đánh giá để xây dựng, thực hiện và cập nhật kế hoạch cải tiến chất lượng nhằm duy trì, nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức;

b) Tiêu chí 5.2 (TCCL): Thực hiện việc cung cấp, cập nhật, công khai, minh bạch thông tin; chế độ báo cáo theo quy định của pháp luật;

c) Tiêu chí 5.3 (TCCL): Thực hiện việc tiếp nhận, xử lý và phản hồi phản ánh, kiến nghị liên quan đến hoạt động của tổ chức; cung cấp đầy đủ, kịp thời hồ sơ, tài liệu, dữ liệu, thông tin theo quy định của pháp luật;

d) Tiêu chí 5.4 (TCCL): Chấp hành việc thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá theo quy định của pháp luật; thực hiện đầy đủ các kết luận, kiến nghị, quyết định và yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

đ) Tiêu chí 5.5 (TCGDĐH): Công khai bằng ít nhất một ngoại ngữ các thông tin cơ bản về tổ chức, quy trình kiểm định, đội ngũ kiểm định viên, kết quả kiểm định và các thông tin cần thiết khác phục vụ hợp tác và hội nhập quốc tế;

e) Tiêu chí 5.6 (TCGDNN): Công khai bằng ít nhất một ngoại ngữ các thông tin cơ bản về tổ chức, quy trình kiểm định, kết quả kiểm định và các thông tin cần thiết khác phục vụ hợp tác quốc tế.

Điều 27. Cách tự đánh giá, đánh giá

1. Việc tự đánh giá, đánh giá tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục trong nước được thực hiện theo tiêu chuẩn, tiêu chí quy định tại Điều 26 và hướng dẫn tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Mỗi tiêu chí được tự đánh giá, đánh giá theo hai mức đạt hoặc không đạt, cụ thể như sau:

a) Đạt: Tiêu chí được đánh giá ở mức đạt khi tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục đáp ứng đầy đủ yêu cầu của tiêu chí và được chứng minh bằng minh chứng xác thực, đầy đủ theo quy định;

b) Không đạt: Tiêu chí được đánh giá ở mức không đạt khi tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục không đáp ứng yêu cầu của tiêu chí hoặc không chứng minh được việc đáp ứng bằng minh chứng xác thực, đầy đủ theo quy định.

3. Trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này, mỗi tiêu chuẩn được tự đánh giá, đánh giá theo hai mức đạt hoặc không đạt, cụ thể như sau:

a) Đạt: Tiêu chuẩn được đánh giá ở mức đạt khi tất cả các tiêu chí cốt lõi thuộc tiêu chuẩn được đánh giá ở mức đạt;

b) Không đạt: Tiêu chuẩn được đánh giá ở mức không đạt khi có ít nhất 01 tiêu chí cốt lõi được đánh giá ở mức không đạt.

4. Tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục được tự đánh giá trước khi hoạt động theo hai mức: đạt tiêu chuẩn trước khi hoạt động và không đạt tiêu chuẩn hoạt động, cụ thể như sau:

a) Đạt tiêu chuẩn trước khi hoạt động: Tất cả các tiêu chí cốt lõi thuộc Tiêu chuẩn 1, Tiêu chuẩn 2, Tiêu chuẩn 3 và Tiêu chuẩn 5 được đánh giá ở mức đạt.

b) Không đạt tiêu chuẩn trước khi hoạt động: Có ít nhất 01 tiêu chí cốt lõi quy định tại điểm a khoản này được đánh giá ở mức không đạt.

5. Tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục tự đánh giá, đánh giá trong quá trình hoạt động theo bốn mức: không đạt tiêu chuẩn hoạt động, đạt tiêu chuẩn hoạt động mức 1, đạt tiêu chuẩn hoạt động mức 2 và đạt tiêu chuẩn hoạt động mức 3, cụ thể như sau:

a) Không đạt tiêu chuẩn hoạt động: Có ít nhất 01 tiêu chuẩn được đánh giá ở mức không đạt;

b) Đạt tiêu chuẩn hoạt động mức 1: Tất cả các tiêu chuẩn được đánh giá ở mức đạt, nhưng còn từ 03 tiêu chí nâng cao trở lên được đánh giá ở mức không đạt;

c) Đạt tiêu chuẩn hoạt động mức 2: Tất cả các tiêu chuẩn được đánh giá ở mức đạt, nhưng còn từ 01 đến 02 tiêu chí nâng cao được đánh giá ở mức không đạt;

d) Đạt tiêu chuẩn hoạt động mức 3: Tất cả các tiêu chuẩn và tiêu chí được đánh giá ở mức đạt;

e) Kết quả đánh giá của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục đạt tiêu chuẩn hoạt động mức 2 hoặc mức 3 bị hạ xuống một mức liền kề nếu trong chu kỳ đánh giá, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục hoặc kiểm định viên thuộc

tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính từ hình thức cảnh cáo trở lên trong hoạt động bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của pháp luật.

Điều 28. Quy trình, chu kỳ hoặc thời hạn đánh giá

1. Quy trình đánh giá bao gồm:

- a) Tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục thực hiện tự đánh giá;
- b) Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức đánh giá và thông báo kết quả đánh giá.

2. Chu kỳ đánh giá được tính từ thời điểm Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo kết quả đánh giá gần nhất, cụ thể như sau:

- a) 02 năm đối với tổ chức được đánh giá đạt tiêu chuẩn hoạt động mức 1;
- b) 03 năm đối với tổ chức được đánh giá đạt tiêu chuẩn hoạt động mức 2;
- c) 05 năm đối với tổ chức được đánh giá đạt tiêu chuẩn hoạt động mức 3.
- d) Tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục đã được đánh giá có kết quả đạt mức 1 hoặc mức 2 theo quy định tại Thông tư số 13/2023/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định việc giám sát, đánh giá tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục đại học và cao đẳng sư phạm thì thực hiện chu kỳ đánh giá theo quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản này.

3. Ngoài trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, việc đánh giá được thực hiện trong một trong các trường hợp sau:

- a) Trong thời hạn 18 tháng kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành đối với tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục chưa được đánh giá;
- b) Khi có văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc Cục Quản lý chất lượng về đánh giá tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục để phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục.

Điều 29. Tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục tự đánh giá

1. Tự đánh giá tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục được thực hiện trước khi hoạt động, định kỳ hằng năm và phục vụ hoạt động đánh giá của Bộ Giáo dục và Đào tạo, cụ thể như sau:

a) Tự đánh giá trước khi hoạt động được thực hiện trước khi tổ chức triển khai hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục. Báo cáo tự đánh giá phải được hoàn thành và công khai theo quy định trước khi triển khai hoạt động;

b) Tự đánh giá định kỳ hằng năm được thực hiện trong thời kỳ tính từ thời điểm kết thúc kỳ tự đánh giá trước đến ngày hoàn thành báo cáo tự đánh giá. Báo cáo tự đánh giá phải được hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 hằng năm;

c) Tự đánh giá phục vụ hoạt động đánh giá của Bộ Giáo dục và Đào tạo được thực hiện trong thời kỳ tính từ thời điểm Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo kết quả đánh giá gần nhất hoặc từ thời điểm bắt đầu hoạt động đối với trường hợp chưa được đánh giá đến ngày hoàn thành báo cáo tự đánh giá. Báo

cáo tự đánh giá được xây dựng trên cơ sở kế thừa kết quả tự đánh giá hằng năm, cập nhật các nội dung phát sinh trong thời kỳ đánh giá và hoàn thành chậm nhất 30 ngày trước thời điểm Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức đánh giá.

2. Tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục thực hiện tự đánh giá, lập báo cáo tự đánh giá theo mẫu tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này. Quy trình tự đánh giá do người đứng đầu tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục quyết định, bảo đảm khách quan, trung thực và hiệu quả.

3. Tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục có kết quả tự đánh giá ở mức không đạt tiêu chuẩn hoạt động thì người đứng đầu tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục phải ban hành quyết định tạm dừng hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục, đồng thời báo cáo bằng văn bản đến Bộ Giáo dục và Đào tạo để xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp kết quả tự đánh giá phục vụ hoạt động đánh giá của Bộ Giáo dục và Đào tạo đạt tiêu chuẩn hoạt động mức 1 trở lên, người đứng đầu tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục gửi văn bản đăng ký đánh giá kèm theo báo cáo tự đánh giá đến Bộ Giáo dục và Đào tạo (qua Cục Quản lý chất lượng) để tổ chức đánh giá theo quy định.

Điều 30. Bộ Giáo dục và Đào tạo đánh giá

1. Thành lập Đoàn đánh giá:

a) Căn cứ văn bản đăng ký đánh giá, báo cáo tự đánh giá của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục và đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định thành lập Đoàn đánh giá;

b) Đoàn đánh giá có 05 hoặc 07 thành viên, gồm trưởng đoàn, phó trưởng đoàn (nếu có) và các thành viên. Trưởng đoàn là lãnh đạo Cục Quản lý chất lượng; phó trưởng đoàn (nếu có) là lãnh đạo đơn vị thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc lãnh đạo cấp phòng của Cục Quản lý chất lượng; thành viên là công chức thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, kiểm định viên, chuyên gia hoặc người có kinh nghiệm về bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục;

c) Người có quan hệ lợi ích, quan hệ gia đình hoặc đã công tác tại tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục được đánh giá trong thời hạn 02 năm tính đến thời điểm thành lập Đoàn đánh giá không được tham gia Đoàn đánh giá.

2. Nguyên tắc hoạt động của Đoàn đánh giá:

a) Hoạt động theo nguyên tắc khách quan, độc lập, tập trung, dân chủ và tuân thủ quy định của pháp luật;

b) Thành viên Đoàn đánh giá thực hiện nhiệm vụ theo phân công của trưởng đoàn, tham gia đầy đủ các hoạt động của Đoàn và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao.

3. Phương pháp đánh giá:

a) Nghiên cứu báo cáo tự đánh giá, hồ sơ, tài liệu, dữ liệu và minh chứng có liên quan;

b) Khảo sát, xác minh, đối chiếu, thu thập thông tin và lấy ý kiến các bên liên quan (nếu cần) để đánh giá mức độ đáp ứng các tiêu chuẩn, tiêu chí theo quy định;

c) Thực hiện đánh giá trực tiếp, trực tuyến hoặc kết hợp hai hình thức phù hợp với điều kiện thực tế.

4. Nội dung, trình tự đánh giá:

a) Xây dựng kế hoạch đánh giá theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này; gửi quyết định thành lập Đoàn đánh giá và kế hoạch đánh giá cho tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục và các thành viên Đoàn đánh giá trước khi tiến hành đánh giá;

b) Nghiên cứu báo cáo tự đánh giá, hồ sơ, tài liệu; thực hiện khảo sát, xác minh, thu thập thông tin, làm việc với tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục và các tổ chức, cá nhân có liên quan theo kế hoạch đánh giá;

c) Lập biên bản làm việc theo mẫu tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này sau khi kết thúc đợt đánh giá;

d) Xây dựng dự thảo báo cáo kết quả đánh giá theo mẫu tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này; gửi tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục để trao đổi, giải trình, hoàn thiện và gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo (qua Cục Quản lý chất lượng).

5. Thông báo kết quả đánh giá:

a) Căn cứ báo cáo kết quả đánh giá của Đoàn đánh giá, Cục Quản lý chất lượng trình Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc ký thừa lệnh Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông báo kết quả đánh giá tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục theo mẫu tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Trường hợp cần thiết, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định tham vấn chuyên gia, tổ chức hoặc cá nhân có liên quan để làm rõ các nội dung chuyên môn trước khi ban hành Thông báo kết quả đánh giá.

Điều 31. Sử dụng kết quả đánh giá

1. Kết quả đánh giá là cơ sở để tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục xây dựng, thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng; đồng thời là căn cứ để cơ quan có thẩm quyền thực hiện giám sát, đánh giá và áp dụng các biện pháp quản lý theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục được đánh giá ở mức không đạt tiêu chuẩn hoạt động hoặc không thực hiện, không khắc phục đầy đủ các tồn tại theo kết luận, kiến nghị của Bộ Giáo dục và Đào tạo thì Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét áp dụng các biện pháp quản lý theo quy định của

pháp luật, bao gồm định chỉ hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Chính phủ.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 32. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày...tháng...năm 2026.
2. Thông tư này thay thế Thông tư số 13/2023/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 06 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định việc giám sát, đánh giá tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục đại học và cao đẳng sư phạm; Thông tư số 61/2012/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện thành lập và giải thể, nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục.
3. Bãi bỏ nội dung Báo cáo tình hình hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục trong năm và phương hướng hoạt động năm tiếp theo tại Điều 16 Thông tư số 19/2020/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 6 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo .

Điều 33. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thủ trưởng các cơ sở giáo dục; Thủ trưởng các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Điều 34. Tổ chức thực hiện

1. Cục Quản lý chất lượng:
 - a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện công tác giám sát, đánh giá tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định tại Thông tư này;
 - b) Tổng hợp, báo cáo kết quả giám sát, đánh giá; tham mưu Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo áp dụng các biện pháp quản lý đối với tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của pháp luật;
 - c) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện việc công khai kết quả đánh giá tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Cổng thông tin điện tử của Cục Quản lý chất lượng và quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu, phần mềm quản lý hệ thống bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục.
2. Các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo có liên quan:

Phối hợp với Cục Quản lý chất lượng thực hiện công tác giám sát, đánh giá và các nhiệm vụ khác theo quy định tại Thông tư này.

3. Sở Giáo dục và Đào tạo:

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục trên địa bàn theo quy định của pháp luật; phối hợp với Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo, các cơ quan có thẩm quyền khác trong công tác giám sát, kiểm tra và xử lý các vấn đề liên quan đến hoạt động của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục.

4. Tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục:

a) Tổ chức thực hiện các quy định tại Thông tư này; thường xuyên cập nhật thông tin, dữ liệu về tổ chức và hoạt động trên phần mềm quản lý hệ thống bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định;

b) Chủ động rà soát, cải tiến và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động; thực hiện đầy đủ trách nhiệm giải trình, chế độ báo cáo và cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật;

c) Quản lý, lưu trữ hồ sơ, tài liệu, thông tin, dữ liệu; thực hiện việc bảo mật thông tin và bảo vệ bí mật nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật.

5. Cơ sở giáo dục

a) Kiểm tra, xác minh và lưu giữ minh chứng về việc tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục đáp ứng các điều kiện hoạt động theo quy định của Thông tư này trước khi ký kết hợp đồng kiểm định; tự chủ, tự quyết định và tự chịu trách nhiệm trong việc lựa chọn tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục, sử dụng kết quả chất lượng giáo dục kiểm định theo quy định của pháp luật;

b) Thực hiện việc phản hồi, cung cấp thông tin về hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục khi có yêu cầu bằng văn bản của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo, bảo đảm tính trung thực, khách quan và bảo mật thông tin của các tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin;

Điều 35. Điều khoản chuyển tiếp

1. Tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục được thành lập và hoạt động hợp pháp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành không bắt buộc phải thay đổi tên hoặc điều chỉnh vị trí pháp lý; trường hợp thay đổi tên hoặc điều chỉnh vị trí pháp lý thì thực hiện theo quy định của Thông tư này.

2. Tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục quy định tại khoản 1 Điều này được tiếp tục hoạt động và có trách nhiệm hoàn thiện đáp ứng tiêu chuẩn hoạt động theo quy định của Thông tư này trước ngày 31 tháng 12 năm 2026, trừ trường hợp thay đổi tên hoặc vị trí pháp lý quy định tại khoản 1 Điều này./.

Nơi nhận:

KT. BỘ TRƯỞNG

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban Văn hóa và Xã hội của Quốc hội;
- Hội đồng Quốc gia Giáo dục và Phát triển nhân lực;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Bộ trưởng;
- Các Thứ trưởng Bộ GDĐT;
- Như Điều 33 (để thực hiện);
- Cục Kiểm tra VB và TCTHPL (Bộ Tư pháp);
- Công PLQG; Cơ sở dữ liệu QG về VBQPPL;
- Kiểm toán nhà nước;
- Công báo; Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, Vụ PC, Cục QLCL.

THỨ TRƯỞNG

Lê Quân